**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

**KHOA NGÔN NGỮ NHẬT BẢN**



HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

ĐỀ TÀI: ĐỐI CHIẾU THÀNH NGỮ CÓ CHỨA TÊN GỌI ĐỘNG VẬT TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NHẬT

Sinh viên thực hiện: 1. Nguyễn Phương Anh; Lớp: NB1702; MSV: 1777500002

2. Nguyễn Mai Quyên ; Lớp: NB1702; MSV: 1777500028

3. Hoàng Diệu Linh ; Lớp: NB1702: MSV: 1777500016

**MỤC LỤC**

[**1. Lý do chọn đề tài 1**](#_rauovhacoczg)

[**2. Mục đích nghiên cứu 2**](#_ioc39pgilhfs)

[**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2**](#_wjc0fpaf3nd1)

[**4. Phương pháp nghiên cứu 2**](#_6ddt7wl5a449)

[**1. Khái niệm chung về thành ngữ 3**](#_xbvr85qockc5)

[1.1. Thành ngữ tiếng việt 3](#_6r96pbuvyffb)

[1.2. Thành ngữ tiếng nhật 3](#_h6fml8blgzm3)

[**2. Phân loại 4**](#_tno3h0dsl1d0)

[**3. Đặc điểm 4**](#_4q4m3px2c9pu)

[**4. Chức năng 4**](#_4ue2swpy7j2x)

[**1. Hình ảnh động vật xuất hiện trong thành ngữ Tiếng Việt và Tiếng Nhật 5**](#_pk47m72qum2b)

[1.1. Những thành ngữ tiếng Tiếng Việt có chứa tên gọi động vật 5](#_r4yvy6u80qp7)

[1.2. Những thành ngữ tiếng Nhật có chứa tên gọi động vật 6](#_c3m93cmw8s1t)

[**2. So sánh đối chiếu hình ảnh động vật trong thành ngữ Việt - Nhật 6**](#_86zgyqcfcd5)

[2.1. Sự tương đồng trong cách sử dụng hình ảnh động vật 6](#_oiwt613r4pu)

[2.2. Sự khác nhau trong cách sử dụng hình ảnh động vật 7](#_bdg5nkr0hp4w)

[**3. Kết luận 10**](#_cu7qoqc66ve6)

[**4. Tài liệu tham khảo 10**](#_i844op4pqoqy)

**MỞ ĐẦU**

# **Lý do chọn đề tài**

Trong cuộc sống hàng ngày, thành ngữ đều ít nhiều được sử dụng bởi tất cả mọi người. Nó cho thấy ông cha ta từ ngày xưa đã biết quan sát các tập tính của những con vật để rồi từ đó khéo léo tạo thành những câu nói ví von mang tính hàm súc và khái quát cao. Để rồi từ đó cũng thấy được vẻ đẹp văn hóa của nước mình.

Và cũng như chúng ta, thành ngữ liên quan đến động vật cũng có mặt trong đời sống của người Nhật để họ diễn tả các hiện tượng, tình huống xảy ra hàng ngày. Thành ngữ động vật của Nhật Bản cũng vô cùng sáng tạo và gi

àu màu sắc. Hơn nữa chúng cũng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tiếng Nhật.

Vì đều bị ảnh hưởng bởi văn hóa Trung Hoa nên Việt Nam và Nhật Bản ít nhiều cũng có sự tương đồng, thành ngữ liên quan đến động vật cũng không phải ngoại lệ.

Việc đối chiếu thành ngữ có chứa tên gọi động vật trong tiếng Việt và tiếng Nhật nhằm hiểu rõ hơn cách sử dụng, nguyên tắc hoạt động của nó trong ngôn ngữ. Từ đó rút ra một số kết luận về sự giống và khác nhau về cách sử dụng giữa hai ngôn ngữ.

# **Mục đích nghiên cứu**

Tìm hiểu về các thành ngữ có chứa tên gọi động vật trong tiếng Việt và tiếng Nhật. Đồng thời so sánh, đối chiếu sự tương đồng về ngữ nghĩa và văn hóa trong hai ngôn ngữ.

# **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Bài nghiên cứu này nhằm tìm ra được ý nghĩa biểu trưng của các loài động vật trong tiếng Việt và tiếng Nhật và minh họa bằng cách đưa ra các ví dụ.

# **Phương pháp nghiên cứu**

Dựa trên lý thuyết về ngôn ngữ học tương phản (contrastive linguistics) hoặc là các ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.

Các phương pháp đối chiếu: thống kê (thống kê thành ngữ), miêu tả (miêu tả các thành ngữ), đối chiếu ( tìm điểm giống và khác nhau giữa những thành ngữ tiếng việt và tiếng nhật),... trong đó phương pháp đối chiếu là trọng tâm nhất.

**CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI**

# **Khái niệm chung về thành ngữ**

## **1.1. Thành ngữ tiếng việt**

Thành ngữ Việt Nam là những câu nói ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, là lời ăn tiếng nói của nhân dân, được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Thành ngữ còn phản ánh một cách đầy đủ những nét đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Về khái niệm thành ngữ Tiếng Việt, nhà nghiên cứu Nguyễn Công Đức cho rằng: “Thành ngữ là những cụm từ cố định, là đơn vị có sẵn trong kho từ vựng, có chức năng định danh, tức gọi tên sự vật và phản ánh khái niệm một cách gợi tả và bóng bẩy”[1]. Tương tự như khái niệm trên, ThS. Mai Thị Kiều Phương đã viết: “Thành ngữ là những cụm từ cố định có kết cấu chặt chẽ, bền vững, có ý nghĩa ổn định, có giá trị gợi tả, có tính biểu trưng trưng cao”[2].

Từ các định nghĩa trên có thể nói thành ngữ là những cụm từ được sử dụng để chỉ một ý cố định. Chúng không tạo thành một câu có ngữ pháp hoàn chỉnh. Vì vậy mà ngôn ngữ của chúng không thể thay thế hay sửa đổi. Tóm lại, thành ngữ ở đây chính là tập hợp những từ không đổi.

## **1.2. Thành ngữ tiếng nhật**

Thành ngữ viết là ことわざ (kotowaza) hay 諺 (kanji: NGẠN) gồm “koto” (sự việc) kết hợp với “waza” (kỹ năng). Từ kotowaza nếu dịch theo âm Hán Việt thuần túy là “ngạn ngữ” - là những câu nói ngắn gọn mang nhiều ý nghĩa về các bài học, kinh nghiệm sống hoặc phê phán về đời sống xã hội và con người.

Bàn về khái niệm thành ngữ tiếng Nhật, hai tác giả Masuoka Takashi và Takubo Yukinori cho rằng: “Thành ngữ là một cụm từ được tạo thành từ nhiều từ khác nhau, có kết cấu cố định, và mang một ngữ nghĩa đặc trưng. Trong thành ngữ, nghĩa của từ không được phản ánh trực tiếp trong nghĩa của toàn bộ cụm từ” [3].

Ba tác giả Morita Yoshiyuki, Muraki Shinjiro và Aizawa Masao đã đưa ra định nghĩa về thành ngữ như sau: “Toàn bộ nghĩa của một câu hoặc một cụm từ thông thường có thể hiểu được nhờ vào ngữ nghĩa của từ và quan hệ ngữ pháp được sử dụng trong câu hoặc cụm từ đó, tuy nhiên cũng có một số hình thức kết cấu được tạo nên bởi các từ cố định và mang một ngữ nghĩa hoàn toàn khác so với nghĩa ban đầu. Người ta gọi hình thức kết cấu đó là thành ngữ”[4].

Thông qua các khái niệm được nêu ở trên có thể nói thành ngữ tiếng Nhật có hình thức là một cụm từ hoặc một câu, có kết cấu cố định và mang nghĩa đặc trưng riêng.

# **Phân loại**

Dựa trên trường nghĩa của các yếu tố cấu tạo, thành ngữ có thể được chia làm hai loại lớn đó là: thành ngữ thuộc thế giới con người (thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể, hoạt động và tư duy của con người) và thành ngữ thuộc về tự nhiên (thành ngữ có từ chỉ động vật, thực vật, con số, màu sắc,...).

# **Đặc điểm**

Nhìn chung đặc điểm thành ngữ của Việt Nam và Nhật Bản đều giống nhau, chúng đều là câu mang những từ ngữ có tính hình tượng và thường được xây dựng dựa trên các hình ảnh cụ thể. Chúng có tính khái quát và hàm súc cao thế nhưng nghĩa của chúng không dựa vào những từ đã tạo nên mà phải hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa rộng, khái quát hơn, cụ thể hơn, thể hiện được sắc thái biểu cảm trong câu.

# **Chức năng**

Thành ngữ là kho tàng quý giá của mọi loại ngôn ngữ, đóng vai trò quan trọng trong đời sống và văn hóa. Cả hai loại hình khi được hiểu theo mặt ngôn ngữ đều có chức năng phản ánh, phê phán hay nhận xét về một vấn đề nào đó. Đồng thời còn thể hiện rõ ý đồ, tư tưởng, tình cảm của người nói, người viết đối với điều được nhắc tới.

**CHƯƠNG 2: SO SÁNH ĐỐI CHIẾU HÌNH ẢNH ĐỘNG VẬT TRONG THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NHẬT**

# **Hình ảnh động vật xuất hiện trong thành ngữ Tiếng Việt và Tiếng Nhật**

## **1.1. Những thành ngữ tiếng Tiếng Việt có chứa tên gọi động vật**

Theo kết quả được miêu tả trong luận án của Trịnh Cẩm Lan, mức độ sử dụng các thành tố động vật trong thành ngữ tiếng việt theo thứ tự như sau: chim (157, kể cả các loài cụ thể), cá (113, kể cả các loài cụ thể), chó (110), gà (79), bò (40), chuột (37), ngựa (30), mèo (23), ong (11), ruồi (9), lợn (8), khỉ (6), vịt (5), sói (2),... (Trịnh Cẩm Lan, luận án thạc sĩ,1995).

Còn theo tác giả Phan Văn Quế thì mức độ sử dụng các thành tố động vật có chút khác: chó (123), gà (90), cá (68), trâu (54), voi (53), mèo (52), ngựa (49), chim (39), bò (37), chuột (30), vịt (23), lợn (16), ong (16), ruồi (12).

Như thống kê ở trên có thể thấy người Việt thường dùng những hình ảnh động vật quen thuộc với đời sống để diễn đạt ý nghĩa như:

| **Hình ảnh động vật** | **Thành ngữ tiếng Việt** | **Ý nghĩa** |
| --- | --- | --- |
| Con mèo | Mèo khen mèo dài đuôi | Chỉ người hay khoe khoang, tự phụ |
| Con chó | Chó chê mèo lắm lông | Chỉ sự mỉa mai cho hành vi chê bai, phán xét người khác trong khi mình cũng không tốt đẹp gì hơn. |

## **1.2. Những thành ngữ tiếng Nhật có chứa tên gọi động vật**

Thông qua từ điển tục ngữ thành ngữ và một số website về thành ngữ tiếng Nhật có thể thống kê được 357 thành ngữ có chứa tên gọi động vật. Trong đó có 83 loài được nhắc tới. Giống như người Việt Nam, người Nhật cũng thường sử dụng những hình ảnh động vật quen thuộc để diễn đạt một số ý nghĩa như:

| **Hình ảnh động vật** | **Thành ngữ tiếng nhật** | **Ý nghĩa** |
| --- | --- | --- |
| Con mèo | 猫の手も借りたい（ねこのてもかりたい - muốn mượn cả tay mèo） | Dùng để ám chỉ sự bận rộn của một người |
| Con chó | 犬猿の仲 （けんえんのなか - ghét nhau như chó với khỉ） | Dùng để chỉ một mối quan hệ mà cả hai không ưa nhau |

# **So sánh đối chiếu hình ảnh động vật trong thành ngữ Việt - Nhật**

## **2.1. Sự tương đồng trong cách sử dụng hình ảnh động vật**

Việt Nam và Nhật Bản là những nước đều bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa Trung Hoa nên trên cơ bản trường tư duy logic của hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản tương đồng nhau. Về cách dùng hình ảnh động vật, có nhiều thành ngữ ở cả hai nước tương đồng cả về hình ảnh động vật và ngữ nghĩa.

Cả người Việt và Nhật đều sử dụng hình ảnh động vật quen thuộc, ví dụ như: con mèo trong thành ngữ mang ý nghĩa tiêu cực. Như trong tiếng Nhật có câu: “猫に鰹節”（ねこにかつおぶし - Đặt Katsuobushi cạnh bên con mèo）. Katsuobushi trong câu thành ngữ trên là món cá ngừ khô, hương vị chủ đạo trong các món ăn truyền thống của người Nhật. Chúng được bào thành sợi mỏng như giấy rắc lên bánh bạch tuộc nướng Takoyaki, bánh xèo Nhật Okonomiyaki hoặc để nấu nước dùng Dashi. Về nghĩa đen của câu thành ngữ trên, rõ ràng việc để một món cá hấp dẫn như vậy bên cạnh loài mèo vốn thích ăn cá quả thật là nguy hiểm. Do vậy, câu thành ngữ này dùng để chỉ một tình huống nguy hiểm hoặc cần phải cảnh giác cao độ. Trong tiếng Việt cũng có thành ngữ mang nghĩa tương tự là “Mỡ treo miệng mèo”.

Hay một ví dụ khác là về một loài vật cũng rất quen thuộc với con người là loài chó. Thành ngữ “Nhờn chó, chó liếm mặt” có nghĩa đen là nuôi chó, chơi với chó, nhờn với nó quá sẽ bị nó liếm mặt. Trong một số trường hợp gặp chó dữ sẽ bị nó nó cắn, gây tai họa. Còn ở nghĩa bóng, câu thành ngữ ám chỉ mối quan hệ giữa các đối tượng, đãi ngộ nhau, tin tưởng quá đáng sẽ bị lợi dụng, thậm chí phản bội. Tương tự, thành ngữ Nhật Bản cũng có câu “飼い犬に手を嚙まれる”（かいいぬにてをかまれる - Bị chó cắn tay）.

Ngoài ra còn có một vài loài khác tuy không thân thuộc trong đời sống nhưng cũng được dùng trong những câu thành ngữ của cả hai nước, ví dụ như hổ. Thành ngữ “虎穴に入らずんば虎子を得ず”（こけつにいらずんばこじをえず - Không vào hang hổ thì sẽ không bắt đươc con của chúng）mang ý nghĩa phải mạo hiểm mới làm được việc khó, không mạo hiểm sẽ không đạt được gì. Thành ngữ tương đương trong tiếng Việt là “Không vào hang hổ sao bắt được hổ con”.

Tóm lại, con vật có một số đặc điểm tốt hay xấu nhưng điều quan trọng là cách suy nghĩ và lựa chọn đặc điểm nào của con vật để tạo thành thành ngữ.

## **2.2. Sự khác nhau trong cách sử dụng hình ảnh động vật**

Ngoài cách dùng động vật trong thành ngữ giống nhau cả về hình ảnh và ngữ nghĩa đã nêu ở trên, còn có những thành ngữ tuy xuất hiện hình ảnh con vật giống nhau nhưng lại biểu đạt những ý nghĩa khác nhau và ngược lại.

Ví dụ như thỏ: hình ảnh con thỏ trong các câu thành ngữ Việt Nam thường được gắn với sự nhát gan (“Miệng hùm gan thỏ”, “Nhát như thỏ đế”,...) còn trong thành ngữ Nhật Bản lại mang nhiều ý nghĩa khác nhau như: chỉ sự nhanh nhẹn “脱兎、兎の登り坂など”（だっと、うさぎののぼりざかなど） , hay ý muốn nói người tham lam thì sẽ chẳng có được gì “二兎を追う者は一兎をも得ず”（にとをおうものわいっともえず - Nếu bạn chạy sau hai con thỏ thì bạn có thể không bắt được con nào cả）

Thêm vào đó còn có những loài động vật chỉ xuất hiện ở câu thành ngữ của một nước. Một số loài chỉ có trong thành ngữ tiếng Việt mà không xuất hiện trong thành ngữ Nhật Bản:

| Hình ảnh động vật | Thành ngữ | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- |
| Con trâu | Đàn gảy tai trâu | Khi nói về một vấn đề nào đó cho người khác nhiều lần mà họ không hiểu, không tiếp thu |
| Con ốc | Ốc không mang nổi mình ốc lại còn mang cọc cho rêu | Việc của mình còn chưa lo xong mà còn ôm đồm, cáng đáng cho người khác |
| Con cóc | Gan bằng cóc tía | Dám đương đầu với thế lực lớn hơn mình, không biết sợ là gì |
| Con cáy | Nhát như cáy | Vô cùng nhút nhát, không dám đối mặt với bất cứ việc gì |
| Con chấy | Yêu nhau con chấy cắn đôi | Yêu thương, đùm bọc nhau lúc vui sướng cũng như lúc hoạn nạn, khó khăn |

Ngược lại, có những con vật chỉ có ở thành ngữ Nhật Bản nhưng không xuất hiện ở thành ngữ Việt.

Đầu tiên là cá mòi: thành ngữ “鰯の頭も信心から”（いわしのあたまもしんじんから - Ngay cả đầu con cá mòi cũng có thể là thần thánh trong sự sùng kính） , nguồn gốc của câu tục ngữ này là từ thời Edo. Trong thời gian đó, có phong tục treo đầu cá mòi ở lối vào nhà để xua đuổi tà ma trong lễ Setsubun (ngày trước Risshun, ngày đầu tiên của mùa xuân theo lịch cũ). Vì vậy, câu thành ngữ này có nghĩa là với niềm tin, bất cứ điều gì cũng có thể trở thành thánh, bởi vì niềm tin là bí ẩn. Tương tự về hình ảnh con cá, cá tráp cũng được sử dụng trong thành ngữ Nhật: thành ngữ “海老で鯛を釣りる”（うみろうでたいをつりる - thả tôm bắt cá tráp） nghĩa là thu được lợi nhuận lớn với một chi phí nhỏ. Vì cá tráp là loại cá cao cấp ở Nhật, thường được ăn trong các lễ hội hoặc trong bữa ăn kỷ niệm. Ngược lại, tôm là loại hải sản khá phổ biến.

Đối với các loài vật xuất phát từ trí tưởng tượng của con người như rồng, phượng hoàng,... thì thành ngữ cả hai nước đều rất phong phú. Ở Việt Nam có câu thành ngữ về thuồng luồng (thuồng luồng là con vật dữ, chuyên sống ở vùng nước sâu) “Thuồng luồng ở sao được cạn” mang ý nghĩa không thể phát huy được sức mạnh ở nơi không hợp với mình. Mặt khác, ở Nhật Bản hình ảnh con Kappa cũng được người dân sử dụng trong thành ngữ “河童の川流れ”（かっぱのかわながれ - Kappa bị cuốn theo dòng sông）, Kappa là sinh vật sống dưới nước và bơi lội rất giỏi. Câu thành ngữ mang ý nghĩa ngay cả một người tài giỏi cũng có thể mắc sai lầm.

# **Kết luận**

Qua so sánh thành ngữ Việt Nam với thành ngữ Nhật Bản, nhóm chúng tôi đã cái nhìn rõ nét hơn về thành ngữ có chứa tên gọi động vật của hai nước, từ đó hiểu rõ hơn về cách sử dụng thành ngữ và nền văn hóa ngôn ngữ của hai quốc gia.

# **Tài liệu tham khảo**

[1] “Bình diện cấu trúc hình thái - ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng việt” Nguyễn Công Đức

[2] “Các bình diện của từ và ngữ cố định trong tiếng việt” Mai Thị Kiều Phượng

[3] “Kiso nihongo bunpou kaiteiban” (Ngữ pháp tiếng nhật cơ bản) Masuoka Takashi, Takubo Yukinori

[4] “Keisusutadi nihongo no goi” (Học theo chủ đề - Từ vựng tiếng nhật) Nhóm tác giả Morita Yoshiyuki

[5] “Hình ảnh động vật trong Kotowaza Nhật Bản” (bài nghiên cứu của khoa Nhật Bản học, Trường Đại Học Công Nghệ TPHCM)

[6] “Luận văn Ngữ nghĩa của từ ngữ chỉ động vật trong thành ngữ tiếng Việt (so sánh với thành ngữ tiếng Anh)” Nguyễn Thị Bảo